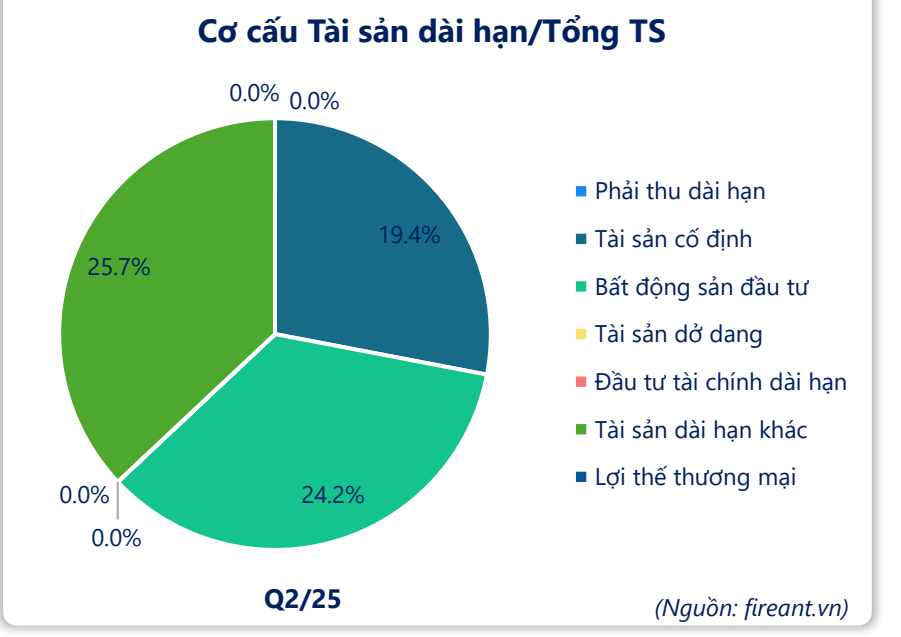
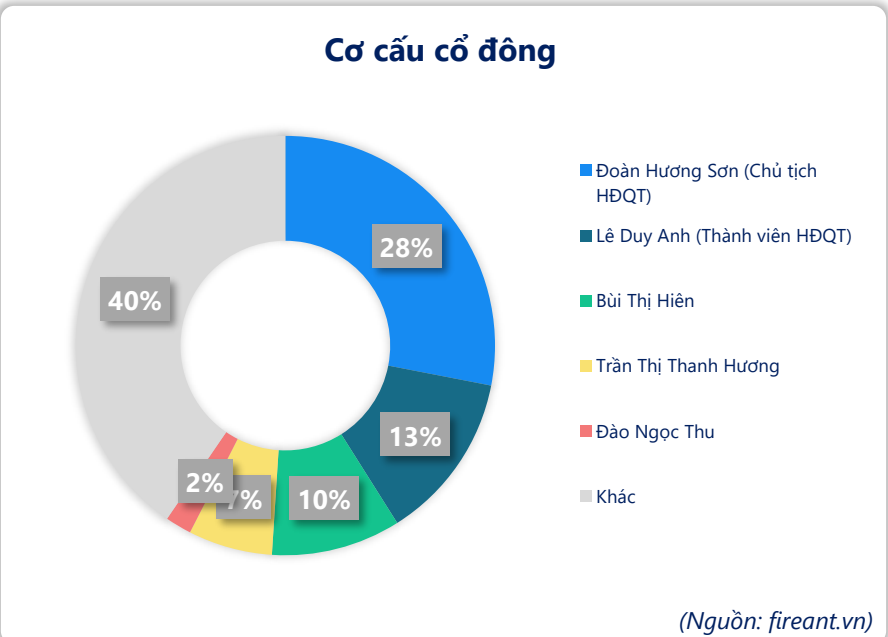
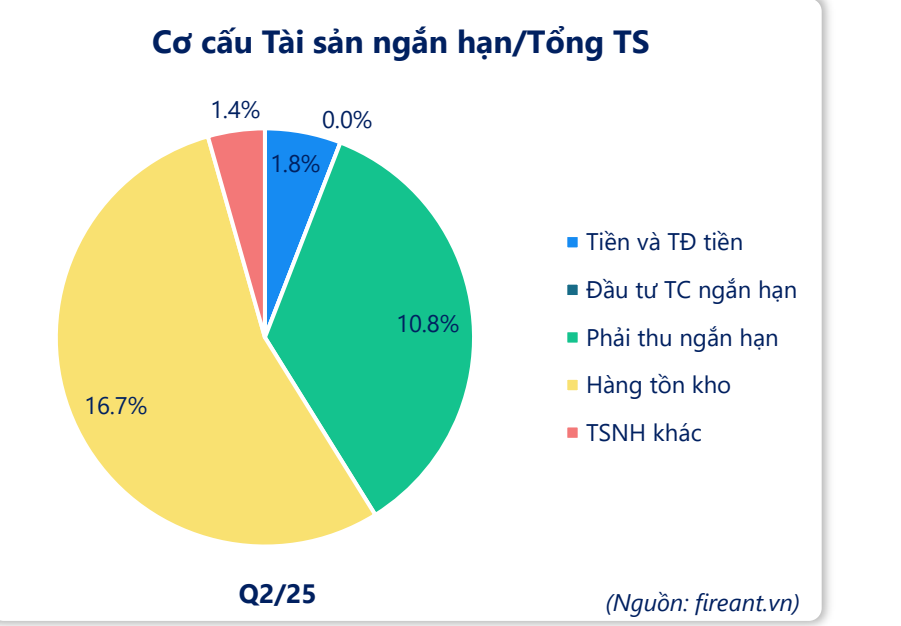
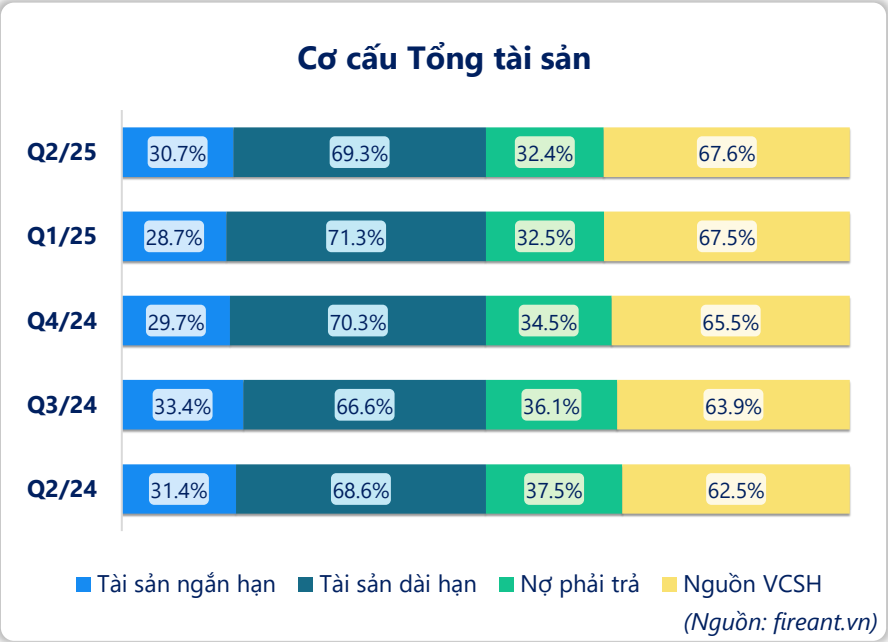
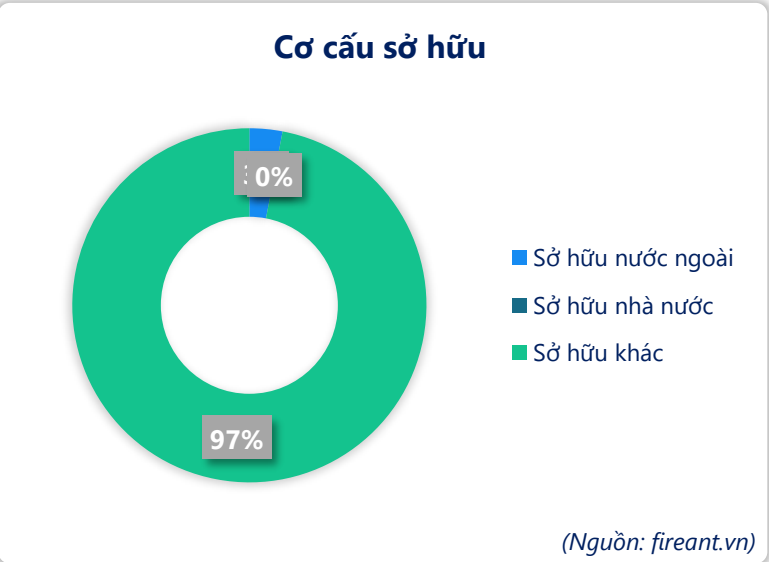
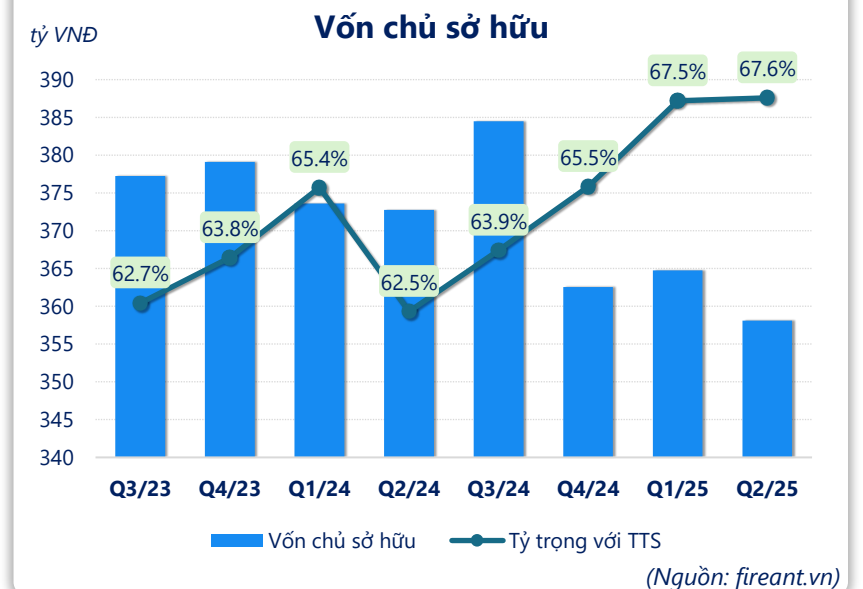
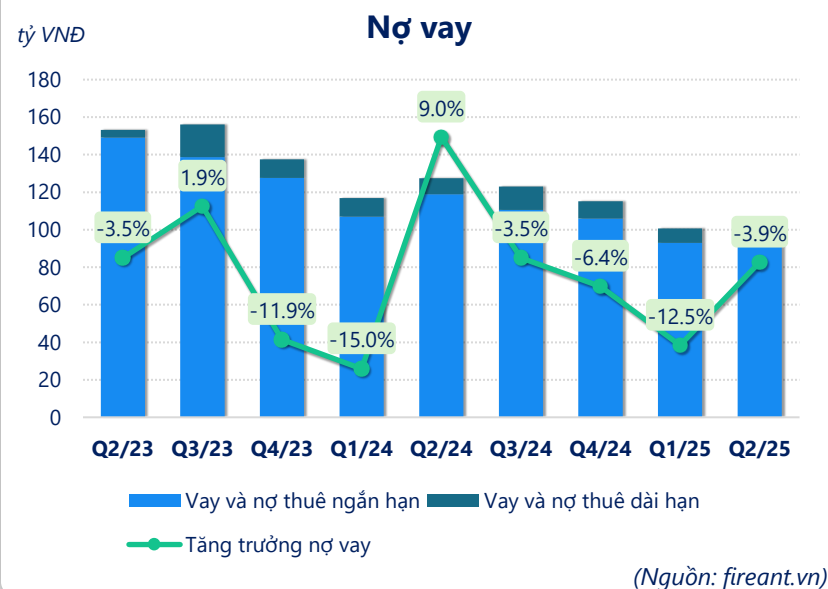
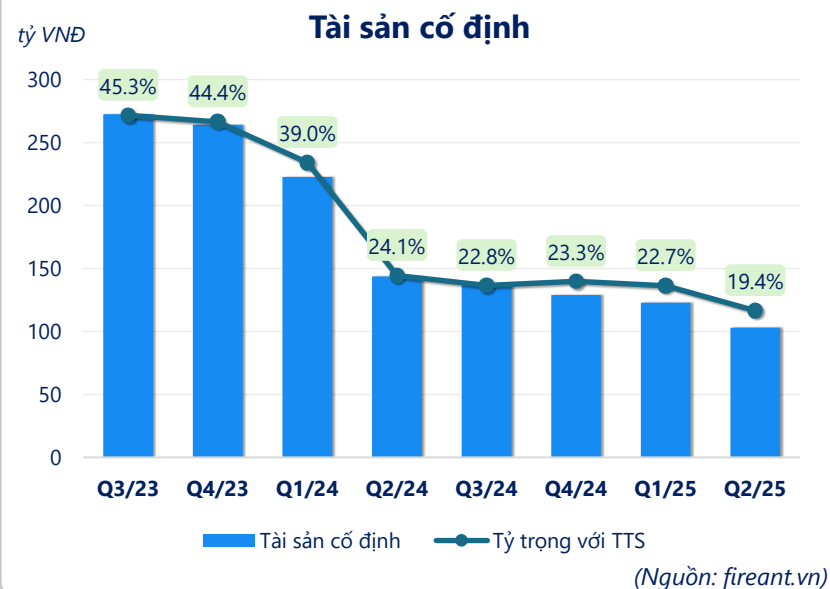
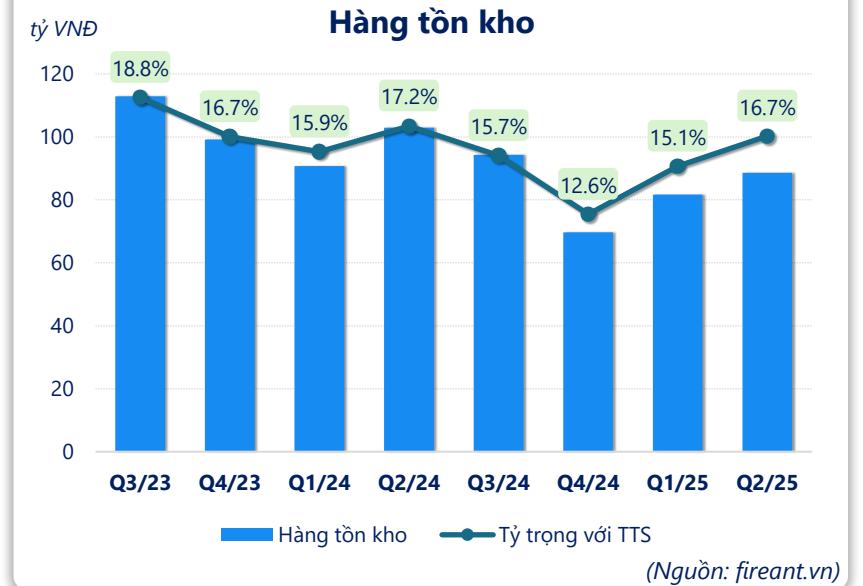
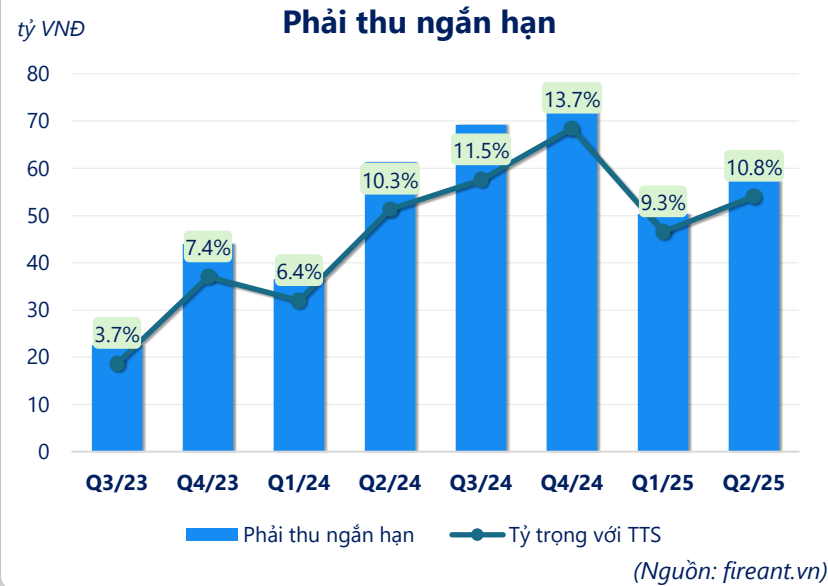
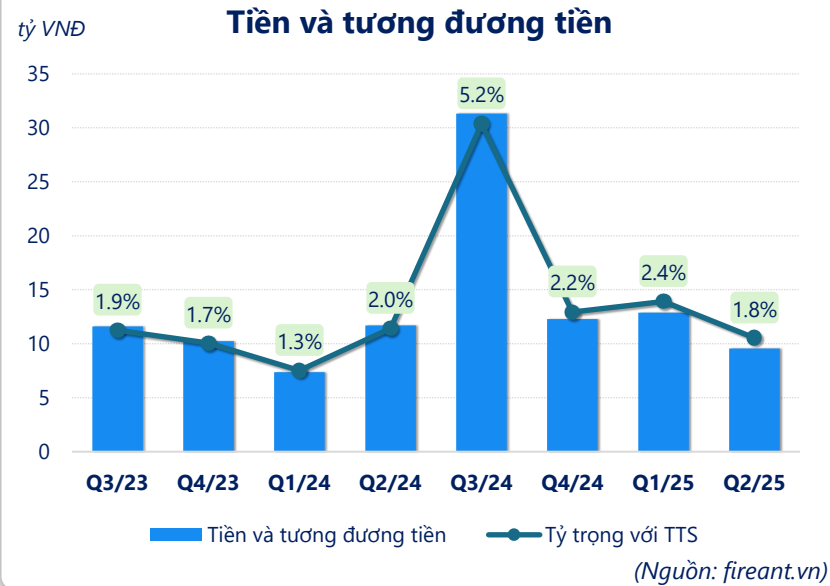
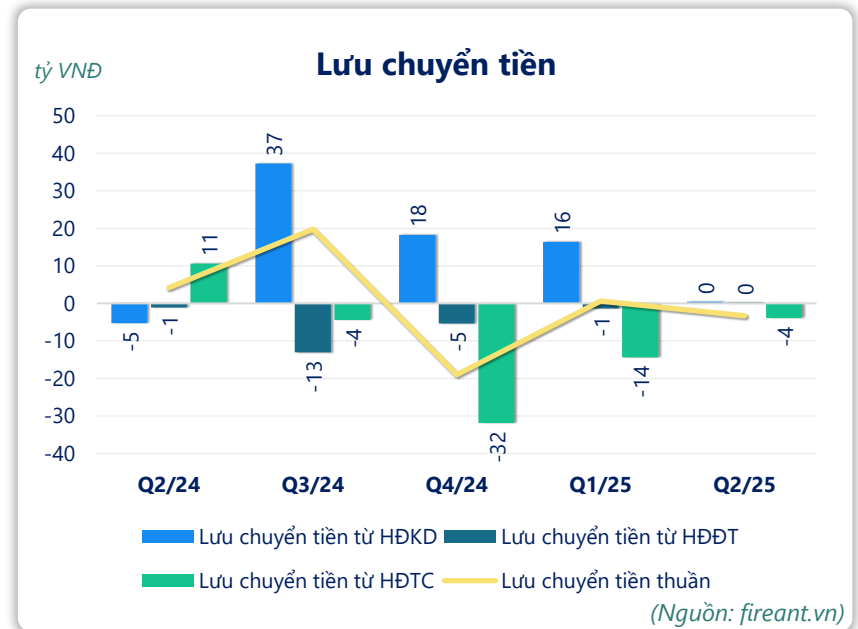
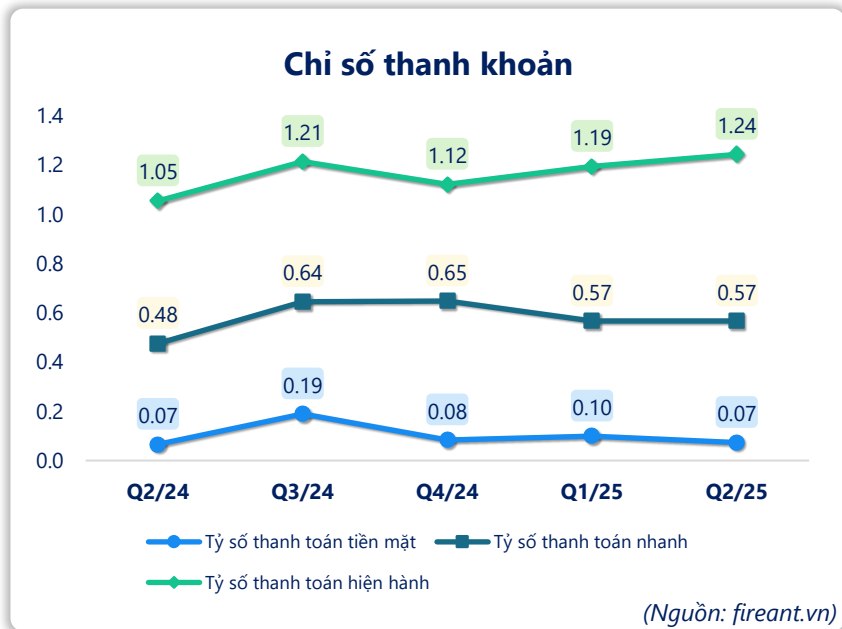
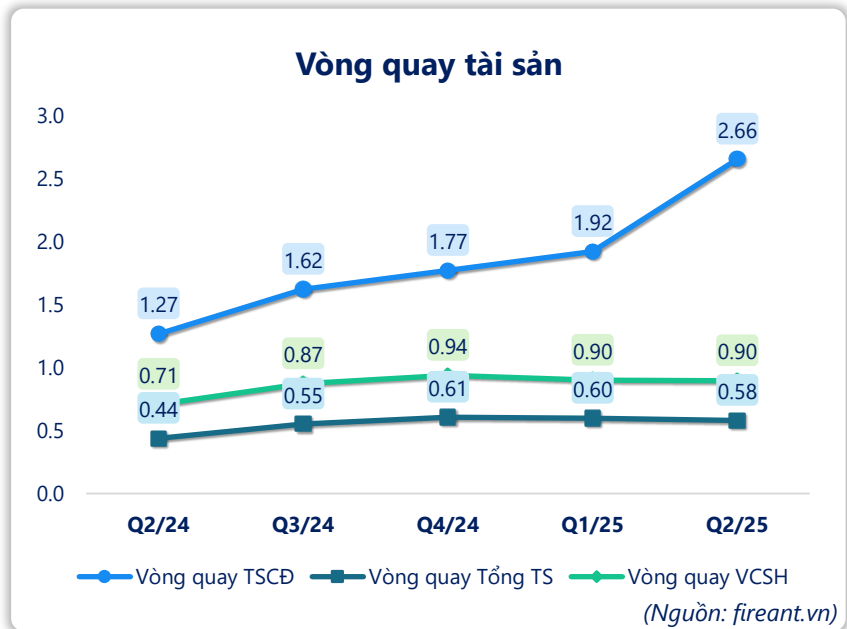
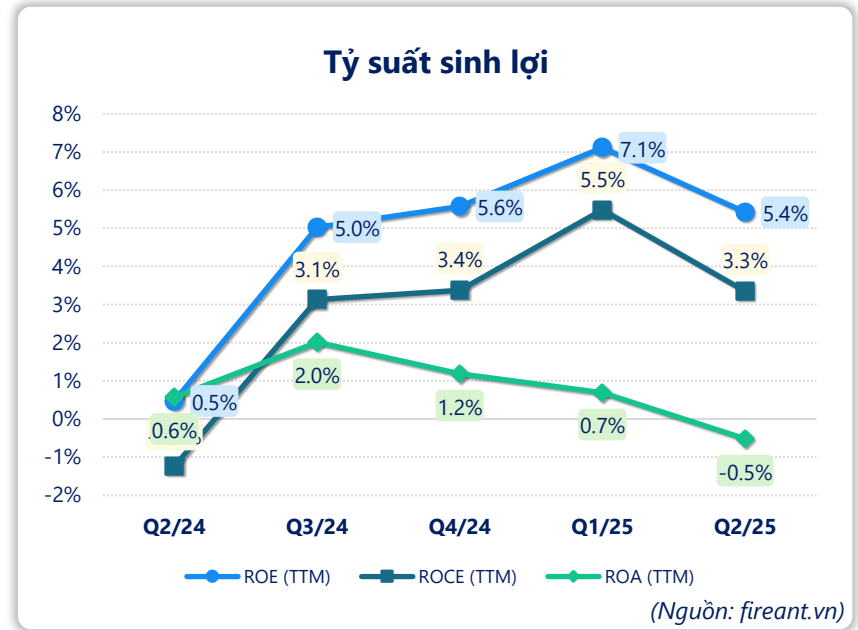
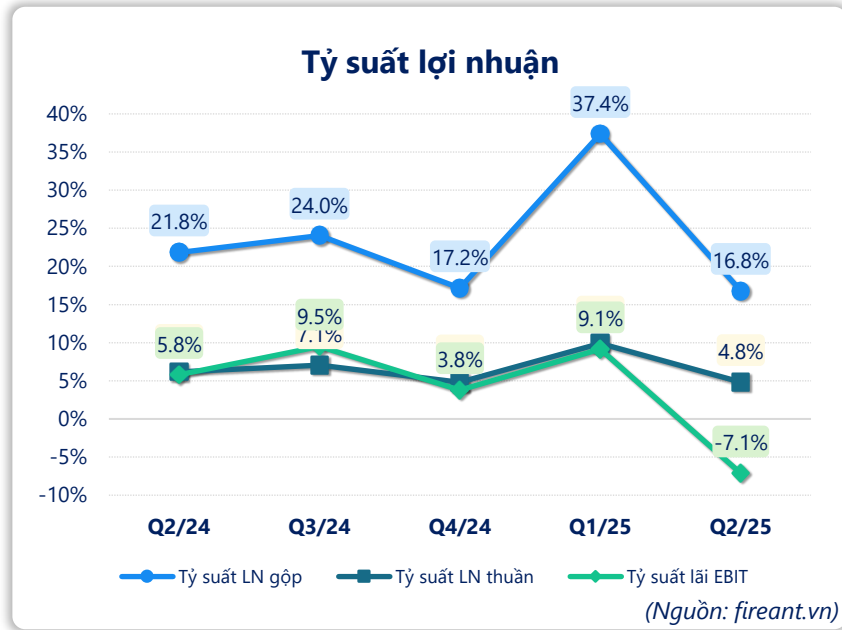
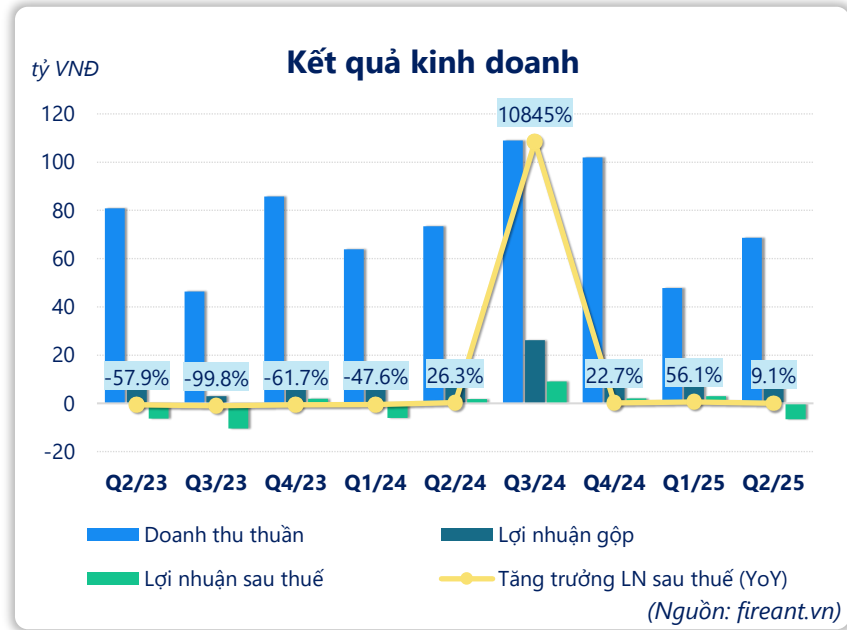


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,430
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,456
SL cổ phiếu LH		24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)		990
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		252
P/E		12.7
EPS		825

	YTD	1T	3T	6T
NHT	-2.8%	0.0%	-4.5%	-0.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	530	555	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	163	160	1.4%
Tiền và tương đương tiền	9.56	12.3	-22.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.3	76.8	-25.3%
Hàng tồn kho	88.5	64.4	37.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.16	6.90	3.7%
Tài sản dài hạn	367	395	-7.0%
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	103	129	-20.4%
Bất động sản đầu tư	129	126	1.6%
Tài sản dở dang	0.05	1.76	-97.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	136	137	-1.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	172	193	-11.1%
Nợ ngắn hạn	131	149	-12.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.9	107	-13.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.6	19.4	0.9%
Nợ dài hạn	41.1	44.7	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.80	7.66	-50.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	358	362	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	358	362	-1.0%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	73.5	109	102	47.8	68.6
Giá vốn hàng bán	57.4	82.8	84.4	29.9	57.1
Lợi nhuận gộp	16.0	26.2	17.5	17.9	11.5
Doanh thu HĐTC	1.10	-0.53	1.51	3.55	-1.32
Chi phí TC	1.98	4.06	2.45	5.40	0.05
Chi phí lãi vay	1.97	1.97	1.87	1.59	1.44
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.40	2.53	2.18	2.78	1.37
Chi phí QLDN	8.22	11.4	9.46	8.49	5.47
LN thuần từ HĐKD	4.55	7.69	4.90	4.73	3.33
Lợi nhuận khác	-2.27	0.69	-2.91	-1.95	-9.66
LN trước thuế	2.28	8.38	1.99	2.78	-6.33
Lợi nhuận sau thuế	1.80	9.09	2.08	2.96	-6.65
LNST của CĐ cty mẹ	3.52	12.1	6.80	3.84	-2.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.26	37.3	18.2	16.4	0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.11	-13.1	-5.36	-1.33	0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.6	-4.42	-31.9	-14.4	-3.95
Tiền đầu kỳ	7.36	11.7	31.3	12.3	12.9
Lưu chuyển tiền thuần	4.18	19.8	-19.0	0.59	-3.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0.14	-0.14	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	11.7	31.3	12.3	12.9	9.56

(Nguồn: fireant.vn)